TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 96/2024/HSPT
Ngày: 02/4/2024.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Trần Thị Kim Liên

Các Thẩm phán: ông Nguyễn Văn Tiến

ông Trương Công Thi

- Thư ký phiên tòa: bà Văn Thị Mỹ Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông Nguyễn XuânThanh, Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 4 năm 2024, tại điểm cầu trung tâm trụ sở Toà án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng và điểm cầu thành phần trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Khánh Hoà, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 616/2023/TLPT-HS ngày 01 tháng 12 năm 2023 đối với bị cáo Dương Minh T về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Do có kháng cáo của các bị hại ông Lê Minh B, bà Lê Thị Kim H, bà Vũ Thị M đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 93/2023/HS-ST ngày 18/10/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hoà.

** Bị cáo bị kháng cáo:*

Dương Minh T - sinh năm 1983 tại tỉnh Khánh Hòa; nơi ĐKHKTT và chỗ ở: thôn V, xã V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ học vấn: 9/12; giới tính: nam; nghề nghiệp: lao động tự do; con ông Dương M1 (sinh năm 1955) và bà Trần Thị L (sinh năm 1958); vợ: Đoàn Thị G (sinh năm 1989); có 02 con (lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2019); tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: Bản án số 262/2021/HSST ngày 28/12/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang xử phạt 07 năm 06 tháng tù về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy".

Bị bắt, tạm giam từ ngày 15/02/2022. Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo* Dương Minh T: bà Nguyễn Thị Như N - Luật sư của Văn phòng L1 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh K. Có mặt.

- *Bị hại:*

1. Bà Lê Thị Kim H - sinh năm 1981; địa chỉ: số D đường G, L, xã V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

2. Bà Vũ Thị M - sinh năm 1965 và ông Phan Thế V - sinh năm 1965; cùng địa chỉ: khu phố F, P, thành phố P, tỉnh Bình Thuận. Bà M có đơn xin vắng mặt, ông V vắng mặt.

3. Bà Đặng Thị Yến N1 - sinh năm 1994 và ông Lê Minh B - sinh năm 1985; cùng địa chỉ: số B S, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Bà N1 vắng mặt, ông B có mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại* bà Đặng Thị Yến N1, bà Lê Thị Kim H, bà Vũ Thị M: ông Nguyễn Văn D - Luật sư của Văn phòng L2 thuộc Đoàn luật sư thành phố H. Có đơn đề nghị vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Thửa đất số 94, tờ bản đồ số 3 lâm nghiệp xã V (gọi tắt là thửa đất) thuộc xã V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa do vợ chồng ông Lê Q, bà Nguyễn Thị B1 (chết ngày 24/12/2019) cùng trú tại 37/7 thôn L, xã V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa khai hoang từ năm 1990 và được UBND xã V, thành phố N xác nhận quyền sử dụng đất với diện tích thửa đất đo đạc lưu trữ trên hệ thống là 13.175m^2. Tuy nhiên, diện tích đất này chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngày 08/7/2010, Ủy ban nhân dân thành phố N ban hành Quyết định số 2195/QĐ-UBND về việc thu hồi diện tích đất trên để thực hiện Dự án bệnh viện Đ (gọi tắt là Dự án). Ngày 20/8/2018, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh K ban hành Quyết định số 142/QĐ-SKHĐT về việc chấm dứt hoạt động và thu hồi Giấy chứng nhận đầu tư đối với Dự án. Ngày 06/11/2019, Ủy ban nhân dân thành phố N ban hành Quyết định số 3355/QĐ-UBND hủy bỏ Quyết định thu hồi đất số 2195 nói trên.

Sau khi Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh K thu hồi Giấy chứng nhận đầu tư đối với Dự án, tháng 11/2018, ông Q, bà B1 nhờ Dương Minh T tìm người để chuyển nhượng thửa đất. T giới thiệu ông Cao Chí T1 (trú tại số A khu T, phường N, quận H, thành phố Hà Nội) đến gặp ông Q, bà B1 để thỏa thuận việc chuyển nhượng thửa đất trên. Ông T1 thoả thuận với ông Nguyễn Văn Ú về việc góp vốn chung mua thửa đất và đồng ý để ông T1 đứng tên trên hợp đồng chuyển nhượng. Sau khi bàn bạc thống nhất, ngày 15/11/2018, ông Q, bà B1 với ông T1 ký hợp đồng mua bán đối với thửa đất trên với giá 3.666.000.000đồng, có sự chứng kiến của T, ông Ú và ông Nguyễn Cao D1. Sau đó, ông T1 và ông Ú đã giao cho ông Q tổng số tiền là 3.466.000.000đồng. T đã thay mặt ông Q ghi xác nhận dưới nội dung của hợp đồng về việc đã nhận tổng số tiền là 3.466.000.000đồng, đồng thời thỏa thuận ông Q có trách nhiệm di dời các ngôi mộ có trên đất rồi sẽ đưa số tiền còn lại 200.000.000đồng, ông Q ký xác nhận nội dung thỏa thuận. Việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Q, bà B1 với

ông T1, ông Ú không phát sinh bất cứ tranh chấp gì tại thời điểm chuyển nhượng.

Mặc dù biết thửa đất số 94, tờ bản đồ số 3, xã V, thành phố N không thuộc quyền sử dụng của mình, không nhận được ủy quyền của ông T1, ông Ú trong việc chuyển nhượng thửa đất nhưng vì thấy ông T1, ông Ú ở xa không thể quản lý đối với thửa đất nên T đã nảy sinh ý định tự phân lô đối với thửa đất trên để chuyển nhượng cho người khác lấy tiền tiêu xài cá nhân. T đã làm giả hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ ông Q, bà B1 sang cho T rồi tự ký giả tên của ông Q trên hợp đồng. T phôtô thành nhiều bản rồi hủy bản gốc và phôtô các tài liệu như: Đơn kê khai nguồn gốc đất của ông Q có xác nhận của Ban N2, xã V và Giấy ủy quyền giữa ông Q, bà B1 cho T (có xác nhận của Văn phòng C ngày 06/12/2018) về việc ông Q, bà B1 ủy quyền cho T thực hiện đền bù, giải tỏa, hỗ trợ tái định cư và các thủ tục liên quan đến việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Khi có người dân muốn nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, T đưa các tài liệu trên cho người dân xem để tạo sự tin tưởng. Khi người dân đồng ý nhận chuyển nhượng thì T trực tiếp viết giấy đặt cọc, hợp đồng chuyển nhượng và thuê Công ty đo vẽ thửa đất, phân lô rồi chuyển nhượng.

Với thủ đoạn như trên, từ tháng 4/2019 đến tháng 4/2020, T đã nhận tiền đặt cọc, tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất của 07 người gồm: ông Hoàng Thanh H1, bà Trần Thị B2, bà Nguyễn Thị Thu T2, ông Nguyễn Lê Hồng V1, bà Lê Thị Kim H, bà Vũ Thị M và bà Đặng Thị Yến N1, tổng cộng 4.221.000.000đồng nhằm chiếm đoạt tiêu xài cá nhân.

- Kết luận giám định số 214/GĐ-GT/2021 ngày 07/7/2021 của Phòng K Công an tỉnh K xác định:

+ Dấu vân tay trên Giấy ủy quyền đề ngày 06/12/2018 giữa bên ủy quyền Lê Q, Nguyễn Thị B1 và bên nhận ủy quyền Dương Minh T so với chỉ bản mang tên Lê Q là của cùng một người.

+ Dấu vân tay trên Giấy ủy quyền đề ngày 06/12/2018 giữa bên ủy quyền Lê Q, Nguyễn Thị B1 và bên nhận ủy quyền Dương Minh T so với chỉ bản mang tên Nguyễn Thị B1 là của cùng một người.

+ Chữ viết ghi nội dung về việc đặt cọc trên Hợp đồng mua bán nhà, đất đề ngày 15/11/2018 giữa bên mua Cao Chí T1 và bên bán Lê Q, Nguyễn Thị B1 so với chữ viết của Dương Minh T không phải do cùng một người viết ra.

+ Chữ viết có nội dung "Hôm nay ngày 05/12/2018...đưa đủ số tiền trên" trên Hợp đồng mua bán nhà, đất đề ngày 15/11/2018 giữa bên mua Cao Chí T1 và bên bán Lê Q, Nguyễn Thị B1 so với chữ viết của Dương Minh T là do cùng một người viết ra.

+ Chữ viết ghi nội dung về việc nhận tiền đặt cọc, nhận tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất, thỏa thuận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và các chữ ký mang tên "Dương Minh T" trên 19 (mười chín) tài liệu là Giấy đặt cọc mua bán, Hợp đồng đặt cọc, Giấy sang nhượng đất, T3 đo địa chính thửa đất, Sơ đồ vị trí

thửa đất so với chữ viết, chữ ký của Dương Minh T là do cùng một người viết, ký ra.

+ Dấu vân tay trên Giấy sang nhượng đất đề ngày 16/4/2020 giữa Dương Minh T và Đặng Thị Yến N1 so với chỉ bản mang tên Dương Minh T là của cùng một người.

- Kết luận giám định số 275/GĐ-GT/2021 ngày 04/8/2021 của Phòng K Công an tỉnh K xác định chữ ký, chữ viết họ tên "Lê Quý" trên các tài liệu là Hợp đồng mua bán nhà, đất đề ngày 15/11/2018 giữa bên mua Cao Chí T1 và bên bán Lê Q, Nguyễn Thị B1; Sơ đồ vị trí thửa đất đề ngày 30/11/2018 và Giấy ủy quyền đề ngày 06/12/2018 giữa bên ủy quyền Lê Q, Nguyễn Thị B1 và bên nhận ủy quyền Dương Minh T so với chữ ký, chữ viết mang tên "Lê Quý" trên các tài liệu mẫu so sánh là do cùng một người ký, viết ra.

- Kết luận giám định số 308/GĐ-GT/2021 ngày 19/8/2021 của Phòng K Công an tỉnh K xác định các bản photo "HỢP ĐỒNG CHUYỂN NHƯỢNG QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT" có cùng thông tin như sau: mang tên bên chuyển nhượng ông Lê Q (CMND số: 220084263), bà Nguyễn Thị B1 (CMND số: 220084262) và bên nhận chuyển nhượng Dương Minh T (CMND số: 225145416) do những người tố cáo giao nộp được sao chụp từ cùng một bản gốc.

- Kết luận giám định số 80/GĐ-GT/2022/KL-KTHS ngày 15/3/2022 của Phòng K Công an tỉnh K xác định chữ ký, chữ viết họ tên "Lê Quý" trên Biên bản làm việc đề ngày 04/12/2019 giữa ông Lê Q và UBND xã V so với chữ ký, chữ viết mang tên "Lê Quý" trên các tài liệu mẫu so sánh không phải do cùng một người ký, viết ra.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm 93/2023/HS-ST ngày 18 tháng 10 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hoà đã quyết định:

1. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 56 của Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt Dương Minh T 17 (mười bảy) năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Tổng hợp hình phạt 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" tại Bản án số 262/2021/HSST ngày 28/12/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 24 (hai mươi bốn) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 15/02/2022, được trừ thời gian tạm giam từ ngày 29/7/2021 đến ngày 15/02/2022.

2. Về trách nhiệm dân sự: áp dụng Điều 213; Điều 246 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 584, Điều 585, Điều 589 Bộ luật Dân sự; ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa bị cáo với các bị hại. Cụ thể: Dương Minh T có nghĩa vụ bồi thường cho các bị hại như sau:

- Bồi thường cho bà Lê Thị Kim H số tiền là 330.000.000đồng (ba trăm ba mươi triệu đồng).

- Bồi thường cho bà Vũ Thị M và ông Phan Thế V số tiền là 226.700.000đồng (hai trăm hai mươi sáu triệu bảy trăm nghìn đồng).

- Bồi thường cho bà Đặng Thị Yến N1 và ông Lê Minh B số tiền là 600.000.000đồng (sáu trăm triệu đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự đối với các bị hại khác, trách nhiệm thi hành án, xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 30/10/2023, bị hại ông Lê Minh B kháng cáo đề nghị Toà án cấp phúc thẩm công nhận việc mua bán giữa ông với bị cáo T để ông làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận.

Ngày 02/11/2023, bị hại bà Lê Thị Kim H và bà Vũ Thị M kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm công nhận việc mua bán giữa các bà với bị cáo T để các bà làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận hoặc thu hồi thửa đất để bán đấu giá.

Tại phiên toà phúc thẩm:

- Bị hại ông Lê Minh B giữ nguyên nội dung kháng cáo.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu: đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị hại bà Lê Thị Kim H, bà Vũ Thị M và ông Lê Minh B, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 93/2023/HS-ST ngày 18/10/2023 của Toà án nhân dân tỉnh Khánh Hoà.

- Luật sư Nguyễn Văn D trình bày trong đơn xin vắng mặt có nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử xem xét yêu cầu kháng cáo của các bị hại một cách thoả đáng và hiện bị cáo T hầu như không còn tài sản để bồi thường cho họ.

- Luật sư Nguyễn Thị Như N đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật. Bị cáo Dương Minh T thống nhất với Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: tại phiên toà phúc thẩm, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại bà Đặng Thị Yến N1, bà Lê Thị Kim H, bà Vũ Thị M là Luật sư Nguyễn Văn D có đơn xin vắng mặt; bị hại có kháng cáo gồm bà Lê Thị Kim H và bà Vũ Thị M đều vắng mặt không vì lý do bất khả kháng hoặc không do trở ngại khách quan. Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 351 của Bộ luật Tố tụng Hình sự quyết định tiến hành xét xử.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo Dương Minh T: quá trình điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm và tại phiên toà phúc thẩm hôm nay, bị cáo Dương Minh T khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của các bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ

khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: mặc dù biết thửa đất số 94, tờ bản đồ số 3, xã V, thành phố N của ông Lê Q và bà Nguyễn Thị B1 đã chuyển nhượng cho ông Cao Chí T1 và ông Nguyễn Văn Ú nhưng để có tiền tiêu xài, T đã làm giả hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất nói trên từ ông Q, bà B1 sang cho T. Trong khoảng thời gian từ tháng 4/2019 đến tháng 4/2020, T đã nhận tiền cọc, tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất của 07 bị hại và chiếm đoạt số tiền tổng cộng 4.221.000.000đồng. Xét án sơ thẩm đã xử phạt bị cáo 17 năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự là thoả đáng, có cơ sở, đúng người, đúng tội. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo T không kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị về phần hình phạt.

[3] Xét kháng cáo của các bị hại ông Lê Minh B, bà Lê Thị Kim H và bà Vũ Thị M với nội dung: đề nghị Toà án cấp phúc thẩm công nhận việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa các ông, bà với bị cáo T để các ông, bà làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận; bà Lê Thị Kim H và bà Vũ Thị M còn đề nghị cấp phúc thẩm thu hồi thửa đất để bán đấu giá, Hội đồng xét xử thấy: thửa đất số 94, tờ bản đồ số 3 tại xã V, thành phố N không phải của bị cáo T mà thuộc quyền sử dụng của ông T1 và ông Ú do nhận chuyển nhượng của ông Q, bà B1 vào ngày 05/12/2018. Bị cáo T đã làm giả hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ ông Q, bà B1 sang cho bị cáo nhằm mục đích lừa dối các bị hại để chiếm đoạt tiền tiêu xài cá nhân. Như vậy, thửa đất này không phải của bị cáo và hợp đồng chuyển nhượng là giả nên không thể công nhận việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bị cáo với các bị hại và cũng không thể thu hồi thửa đất để bán đấu giá. Nội dung kháng cáo của các bị hại là không đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị hại ông Lê Minh B, bà Lê Thị Kim H và bà Vũ Thị M.

[4] Về án phí phúc thẩm: các bị hại không phải chịu án phí phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác còn lại của bản án sơ thẩm về tội danh và hình phạt, trách nhiệm dân sự đối với các bị hại khác, trách nhiệm thi hành án, xử lý vật chứng, án phí không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Không chấp nhận kháng cáo của các bị hại ông Lê Minh B, bà Lê Thị Kim H, bà Vũ Thị M và giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 93/2023/HS-ST ngày 18/10/2023 của Toà án nhân dân tỉnh Khánh Hoà.

1. Áp dụng Điều 213; Điều 246 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 584, Điều 585, Điều 589 của Bộ luật Dân sự; tuyên xử: giữ nguyên sự tự nguyện thỏa

thuận giữa bị cáo Dương Minh T với các bị hại. Cụ thể: Dương Minh T có nghĩa vụ bồi thường cho 03 bị hại như sau:

- Bồi thường cho bà Lê Thị Kim H số tiền là 330.000.000đồng (ba trăm ba mươi triệu đồng).

- Bồi thường cho bà Vũ Thị M và ông Phan Thế V số tiền là 226.700.000đồng (hai trăm hai mươi sáu triệu bảy trăm nghìn đồng).

- Bồi thường cho bà Đặng Thị Yến N1 và ông Lê Minh B số tiền là 600.000.000đồng (sáu trăm triệu đồng).

2. Về án phí phúc thẩm: các bị hại ông Lê Minh B, bà Lê Thị Kim H, bà Vũ Thị M không phải chịu án phí phúc thẩm.

3. Các quyết định khác còn lại của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Vụ Giám đốc kiểm tra I - TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Khánh Hoà;
- Cơ quan CSĐT-Công an tỉnh Khánh Hoà;
- Phòng HSNV-Công an tỉnh Khánh Hoà;
- Cơ quan CSTHAHS-CA tỉnh Khánh Hoà;
- Sở Tư pháp tỉnh Khánh Hoà;
- Cục THADS tỉnh Khánh Hoà;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Khánh Hoà;
- Bị cáo, bị hại, Luật sư;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Thị Kim Liên